

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89/2017/DSST**.
Ngày: 22/5/2017.
V/v tranh chấp hợp đồng vay
và hợp đồng góp hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cao Tuấn**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hồ Xuân Bình**;
2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thơm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây;

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2016/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2017/QĐST-DS ngày 25/4/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGUYỄN THỊ T1** – sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **NGUYỄN THỊ T2** – sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1 trình bày:

- Vào ngày 26/7/2016 âm lịch, chị có cho bà Nguyễn Thị T2 vay 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng và bà T2 có viết biên nhận cho chị nhưng đến nay bà T2 cũng không trả vốn và lãi theo thỏa thuận.

- Ngày 14/01/2016 âm lịch, chị có làm chủ hụi, bà T2 tham gia 02 dây, mỗi dây 01 phần, hụi tuần 500.000 đồng. Cả hai dây hụi này bà T2 đều hết kỳ đầu sau

đó đóng được 04 kỳ hụi chết thì ngưng. Hiện tại các dây hụi này đã mãn, bà T2 còn nợ chị mỗi dây 7.500.000đ x 2 = 15.000.000 đồng.

Nay chị khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T2 trả cho chị 20.000.000 đồng tiền vay và 15.000.000 đồng tiền hụi đồng thời chị yêu cầu tính lãi của số tiền vay từ ngày viết biên nhận nợ cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định, yêu cầu trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo qui định tại Điều 471 và Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc bà Nguyễn Thị T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên hòa giải và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần 1, lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T2 vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T2.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T1, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 26/7/2016 âm lịch, chị T1 có cho bà T2 vay 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng và bà T2 có viết biên nhận nợ cho chị T1 nhưng đến nay bà T2 cũng không trả vốn và lãi cho chị T1. Đồng thời ngày 14/01/2016 âm lịch bà T2 có tham gia 02 dây hụi tuần 500.000 đồng/ dây do chị T1 làm chủ, cả hai dây bà T2 hốt kỳ đầu tiên sau đó đóng được 04 kỳ hụi chết thì ngưng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị T1 đã cung cấp cho Tòa án các biên nhận có chữ viết và chữ ký của bà T2. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ kiện, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà T2 vắng mặt không lý do. Các biên nhận do chị T1 cung cấp có chữ viết và chữ ký của bà T2, căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó. Trong vụ kiện này chị T1 đã đưa ra chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy biên nhận nợ và giấy giao hụi có chữ viết và chữ ký của bà T2, nếu bà T2 không thừa nhận các biên nhận nợ trên thì phải có nghĩa vụ chứng minh. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, bị Tươi cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, không thể hiện ý chí phản đối các biên nhận mà chị T1 đã cung cấp thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo

khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó nay chị T1 khởi kiện yêu cầu bà T2 trả cho chị T1 số tiền vay 20.000.000 đồng và số tiền nợ hụi 15.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Đối với số tiền vay 20.000.000 đồng chị T1 yêu cầu tính lãi từ ngày viết biên nhận 26/7/2016 âm lịch đến ngày Tòa xét xử theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định. Xét yêu cầu này là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật nên cần buộc bà T2 có trách nhiệm trả cho chị T1 số tiền lãi, cụ thể: $20.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 09 \text{ tháng} 01 \text{ ngày} = 1.355.000 \text{ đồng}$. Do đó cần buộc bà T2 trả cho chị T1 1.355.000 đồng lãi.

[5] Về thời gian trả: Chị T1 yêu cầu bà T2 trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí:

- Buộc bà T2 phải chịu án phí theo qui định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1 nên chị T1 được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 91, 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 471; 474; 479; khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.
- Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T1. Buộc bà Nguyễn Thị T2 có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền vốn và lãi tổng cộng là 36.355.000 (Ba mươi sáu triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn) đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T2 không chịu trả số tiền trên thì bà T2 còn phải trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị T2 phải chịu 1.817.750 (một triệu tám trăm mười bảy ngàn bảy trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T1 909.000 (chín trăm lẻ chín ngàn) đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 38263 ngày 15/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cao Tuấn